



Ông Tư Thủy (người cao lớn đứng sau cùng) với đại gia đình ông bà Trần Tử Bình tại Hà Nội năm 1972.

bếp, bác gọi với lên nhà trên:

- Ông Tư ơi, xuống đây tôi bảo !

Ngon đèn dầu trên nhà được thấp sáng. Bác Tư trai với vóc người vạm vỡ, đầu húi cua, bước xuống chậm rãi. Ngược nhìn lên thấy bóng bác to lớn in trên nền trời tím sẫm. Bác gái mau mắn kể lại đề nghị của tôi. Rồi hai bác cùng lặng im. (Mấy hôm sau mới biết “yêu cầu” đột ngột ấy làm hai bác quá xúc động vì nó được nói ra từ một cậu bé mới lên sáu). Bữa cơm tối đó là bữa cơm đầu tiên tôi có lời khi cầm đũa lên: “Con mời bố mẹ xơi cơm !”.

Những ngày sau đó, tôi thấy mấy bà trong tổ hưu và hàng xóm nhìn tôi với ánh mắt khác hẳn. Còn mẹ nuôi thì vui ra mặt. Hóa ra bà đã kể cho mọi người nghe chuyện này.

Chuyện tôi thành con nuôi là như vậy. Còn mẹ Hưng tôi khi biết tin này đã viết ngay thư cho cha: “Anh chị Tư đồng ý nhận Việt Trung làm con nuôi, anh ạ !”.

Nhân cách một con người

Dù nhỏ tuổi nhưng tôi rất gắn bó với gia đình; khi biết suy nghĩ, tôi nhận thấy ở bố nuôi tôi có một nhân cách đặc biệt. Ông sinh năm 1905, trong một gia đình khá giả của làng Vạn Phúc. Thời trai trẻ ông khỏe mạnh, cao lớn, tốt tướng, tính tình cương trực nhưng rất nóng nảy. Gặp chuyện ngang trái là ông nhao vào bênh vực kẻ yếu, dù họ là người nghèo. Do có quan hệ rộng rãi và là người có uy tín trong làng xã, nên đến giới giang hồ khi nghe đến cái tên Tư Thủy cũng phải kiêng nể. Thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-1939), đồng chí Trường Chinh thường về Vạn Phúc, tuyên truyền giác ngộ một số thanh niên, trong đó có ông Tư. Năm 1940, Vạn Phúc trở thành An toàn khu của Trung ương và Xứ ủy. Gia đình ông Tư trở thành cơ sở đáng tin cậy của các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Ngân, Trương Thị Mỹ, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Văn Trân, Trần Quốc Hoàn, Lê Quang Đạo, Lê Liêm, Nguyễn Khang, Đặng Kim Giang... Vốn là người từng trải, tính tình ngay thẳng nên

ngay những lần gặp đầu tiên, vào năm 1942, cha tôi và ông Tư đã tâm đầu ý hợp. Họ thân thiết với nhau hơn cả anh em ruột.

Đồng chí Hoàng Văn Thụ, trong thời gian hoạt động bí mật tại Vạn Phúc, đã tá túc tại nhà ông Tư. Là người hóm hỉnh, nhạy cảm nên đồng chí nhận thấy trong làng có hai cơ sở cách mạng tin cậy nhưng tính tình lại trái ngược nhau. Vì vậy Hoàng Văn Thụ đặt cho người bộc trực, nóng như lửa cái tên *Tư Thủy*, còn người hiền lành, chất phác là *Tư Hỏa*. Với ông Tư cái tên đó là sự nhắc nhở bản thân, luôn tự làm chủ, kiểm chế mình trong mọi tình huống. Cặp tên đối chọi “Tư Thủy” - “Tư Hỏa” không chỉ là niềm vinh dự cho hai gia đình mà trở thành giá trị lịch sử của dân làng Vạn Phúc.

Hàng chục năm sau này, khi đọc trên Báo *Công an Nhân dân*, tôi mới biết một câu chuyện của bố nuôi được coi là một tư liệu lịch sử của ngành. Đó là những năm 1943-1944, thời kì khủng khiếp bọn chỉ điểm của mật thám Pháp. Ở Hà Đông, số cán bộ bí mật của ta bị bắt ngày một nhiều. Tổ chức yêu cầu phải “có biện pháp” để đảm bảo an toàn cho cơ sở và cán bộ. Đội “trừ khử” được lập ra, trong đó có bố nuôi tôi, để thanh trừng bọn chỉ điểm. Tổ chức xác định cách Vạn Phúc chừng ba cây số về phía Đại Mỗ có một tên chỉ điểm từng hoạt động trong hàng ngũ ta nhưng đã phản bội nên biết mặt nhiều cán bộ, cần phải thanh trừng. Trong danh sách, hắn đứng đầu số.

Bố tôi trong vai con nhà giàu, tính khí ngang tàng, giang hồ cùng hai đội viên lân la đến xin kết giao và nhận làm đàn em. Tên này rất cảnh giác, có vẻ thiện cảm nhưng nhất quyết không chịu ra ngoài ăn nhậu. Vậy là kế hoạch phải thay đổi - lễ kết nghĩa uống máu ăn thề phải tổ chức ngay trong nhà hắn, ngay trong hang ổ kẻ thù ! Ba anh em thay nhau ca ngợi, chúc tụng và thề một lòng trung thành hầu hạ đại ca. Sau mỗi câu chúc được chuốc một chén rượu. Rượu hết chai này đến chai khác. Gần nửa đêm, khi kẻ hầu người hạ mệt mỏi đã đi ngủ, thằng phản bội đã say mềm thì bố nuôi tôi rút trong người ra một khăng sắt, bằng một động tác hết sức nhanh gọn, chính xác, đầy vũ lực, ông hạ thủ tên chó săn bằng một đòn vào giữa gáy mà chỉ nghe cái “khục”. Hai đội viên còn lại rút ngay hai bao tải, chùm kín đầu và chân trên cái xác còn nóng hổi, trong tiếng lèm bèm say rượu ca tụng đại ca của bố nuôi tôi. Ba đội viên rút êm khỏi nhà tên chỉ điểm, đi vội ra cánh đồng. Trên đường gặp vài người đi chợ từ đêm nhưng họ cứ nghĩ đó là ba ông lái lợn.

Bố nuôi tôi quả cảm, mãnh liệt và dứt khoát như thế đấy !

Những điều học được

Những chữ cái đầu tiên tôi được học ở lớp vỡ lòng ngay tại trường làng Vạn Phúc.

Ở Vạn Phúc không chỉ được học chữ, mà mẹ nuôi còn dạy tôi cách gieo trồng, chăm sóc các loại rau xanh từ su hào, bắp cải đến rau muống, rau lang... Tôi “khai khẩn”

được một dẻo đất ngay chân đê sông Nhuệ để tập trồng rau. Rau tôi trồng được mẹ đưa vào bữa ăn. Vì thích tắm sông nên tôi học được cách mò trùng trọc, mò hến của bọn trẻ trong làng. Thấy vậy mẹ nuôi khuyến khích “Cứ mò trọc đi, mẹ bán cho”. Chiều chiều ra sông tôi cố gắng mò được một chậu tôn nhỏ, mẹ mang ra đầu làng bán lúc được 5 xu, lúc 1 hào. Những đồng tiền đầu tiên do tôi kiếm được chính là nhờ mẹ nuôi tôi chỉ dẫn. Bằng những đồng tiền cóp nhật ấy, mẹ lại mua gà về dạy tôi chăn nuôi.

Có lần ba anh em và anh Thắng được bố mẹ giao trông đàn ngỗng nhỏ, hơn chục con. Lần đó tôi dẫn đàn ngỗng ra bờ đê, thả cho ăn cỏ. Còn bọn trẻ con thì mặc sức nô đùa. Khoảng 11 giờ trưa, bỗng Thắng sực tỉnh và nháo nhác: “Đàn ngỗng đâu rồi?”. Cả lũ chia nhau đi tìm. Đưa ra khu miếu cổ, đưa chạy ra đồng Mái, đưa đi dọc bờ ao bác Ba Nhung; vậy mà không tìm thấy. Biết bố nuôi nóng tính nên không đứa nào dám vác mặt về nhà - về là ăn đòn. Nhưng cũng không lẩn tránh mãi được, cả bọn lếch thếch kéo về. Anh Nghị thì lì ra không nói năng gì cả, Thắng thì lo sợ quá mếu máo, còn tôi nhỏ nhất nên nhanh nhẩu kể đầu đuôi chuyện mất ngỗng. Thật may đúng lúc đó có người về nói thấy đàn ngỗng nhỏ đang lang thang ở cánh đồng Dộc !

Trọn nghĩa vẹn tình

Đầu năm 1967, cha tôi từ Trung Quốc về họp Trung ương. Cha mẹ tôi tranh thủ vào Vạn Phúc thăm gia đình, thăm chúng tôi. Thấy chúng tôi khỏe mạnh, học hành

tiến bộ, cha tôi rất vui và luôn miệng cảm ơn bố mẹ nuôi. Lần đó thấy cha tôi và bố nuôi nói chuyện rất lâu, rất tâm đắc. Thật không ngờ đó là lần cuối cùng cha tôi và bố nuôi gặp nhau. Cha tôi mất vào sáng mừng ba Tết Đinh Mùi, nhằm 11 tháng 2 năm 1967. Bố mẹ nuôi tôi rất buồn vì mất đi một người anh em thân thiết.

Những năm sau đó, đồng cảm với những mất mát thiệt thòi của bọn trẻ, bố mẹ nuôi càng quan tâm chăm sóc. Bố mẹ nuôi dồn nhiều tình cảm cho tôi - đứa bé mới lên tám đã mồ côi cha, còn anh Thắng luôn nhường nhịn đứa em nuôi. Sau này tôi mới hiểu những phẩm chất thẳng thắn, trung thực, dũng cảm của bố nuôi cùng những ứng xử tình cảm, chu đáo, sâu sắc của mẹ nuôi đã thấm dần và truyền sang tôi từ những ngày còn thơ ấu.

Mẹ tôi biểu gia đình chiếc xe đạp Vĩnh Cửu, có gióng ngang của Trung Quốc, làm phương tiện đi lại. Chiều thứ bảy mỗi tuần, bố nuôi tôi đạp xe ra Hà Nội nhận đồ tiếp tế, mua thêm thực phẩm cho bọn trẻ. Khi Hà Nội lên đèn thì ông đạp xe về lại Hà Đông. Hai gia đình tính toán đi như vậy để tránh những đợt ném bom của máy bay Mỹ. Cũng chẳng đếm được bố nuôi tôi đã đi về bao nhiêu chuyến trong suốt thời gian chiến tranh, để bảo đảm sinh hoạt cho chúng tôi !

Những năm sau này ông Tư vẫn cố gắng đóng góp hết sức mình cho quá trình xây dựng, phát triển Vạn Phúc. Với uy tín cá nhân, với các mối quan hệ thân thiết, ông lặn lội đạp xe ra Hà Nội, gặp các đồng chí Trần Quốc Hoàn (Bộ trưởng Bộ

Công an), Nguyễn Văn Trân (Bộ trưởng Bộ Công nghiệp) để xin kéo điện về cho làng, nhằm cải thiện đời sống cho bà con và phát triển nghề dệt lụa truyền thống của Vạn Phúc. Cũng những năm 60 của thế kỷ trước, ông tích cực tham gia cùng Bộ Văn hóa làm các thủ tục để Nhà nước công nhận Vạn Phúc là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

Tuổi thơ chúng tôi trong những năm chiến tranh đã gắn bó với vùng đất Vạn Phúc, nơi đã cứu mang cha tôi từ năm 1942, nơi cha tôi sau khi vượt ngục Hỏa Lò vào tối 12 tháng 3 năm 1945 về bắt liên lạc với Xứ ủy, nơi cha tôi cùng chú Nguyễn Khang nhân danh Thường vụ Xứ ủy phát lệnh Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại Hà Nội và Bắc Bộ vào ngày 19 tháng 8 năm 1945, nơi mà Bác Hồ ra lời hiệu triệu “Toàn quốc kháng chiến” vào tối 19 tháng 12 năm 1946. Tôi còn nhớ, mùa hè sau những bữa cơm chiều, cả nhà ngồi hứng gió thổi về từ sông Nhuệ, mẹ hay nhắc đến tên từng cán bộ đã về nhà thời kì bí mật. Lần nào mẹ nuôi cũng nói: “Trong số cán bộ đó, tuy ở không lâu nhưng đi lại tình nghĩa nhất với nhà mình là anh Bình, ông nhỉ?”.

Khi đã trưởng thành, đã xây dựng gia đình thì làng Vạn Phúc và gia đình bố mẹ Tư Thủy vẫn là địa chỉ thân thiết của tôi. Nhằm ngày giỗ chạp, lễ tết, vợ chồng tôi và các cháu lại thu xếp về thắp hương cho ông bà Tư kính yêu.

Thật tự hào về quan hệ nghĩa tình giữa gia đình ông bà Tư Thủy với cha mẹ và chúng tôi !

Hà Nội, 6-2006

CHUYỆN NHÀ TÔI

Trần Khánh Chiến

Cha mẹ tôi sinh được tám người con. Bạn bè thân thiết của cha mẹ khi đến chơi khó nhớ một lúc hết tên cả tám đứa, thường nói đùa: “Khiếp ! Ông bà mần quá !”. Vào những năm bắt đầu có “chính sách sinh đẻ có kế hoạch” thì chúng tôi, dù còn lít nhít nhưng cũng lớn dần trước mắt mọi người, thường được các chú các cô lấy ra làm ví dụ về việc đẻ nhiều con. Thế hệ các cụ nhà nào cũng đông con, nhưng gia đình tôi vẫn chiếm “kỷ lục”. Và cha mẹ tôi luôn vui vẻ, tự hào về điều đó. Mọi người coi nhà tôi là một tiêu biểu về gia đình hạnh phúc. Chúng tôi cũng cảm thấy tự hào vì cha mẹ có một tình yêu rất đẹp, khá đặc biệt, được thử thách trong cuộc đấu tranh cách mạng vô cùng gian khổ, vinh quang.

Mẹ tôi tên là Nguyễn Thị Úc, sinh năm 1920 tại thôn Hòa, xã Cấp Tiến, huyện Hưng Nhân (nay là Hưng Hà), tỉnh Thái Bình, trong một gia đình trung nông. Ông ngoại

tôi là thầy đồ dạy chữ nho tại nhà, cụ mất khi mẹ tôi còn nhỏ. Bà ngoại ở vậy nuôi con. Năm 1936, mẹ tôi tích cực tham gia các hoạt động của Hội Ai hữu trong Mặt trận Dân chủ tại quê nhà. Mẹ tôi được kết nạp vào Đảng Cộng sản vào năm 1939. Ở tuổi thanh niên, mẹ tôi xinh gái, khỏe mạnh, nhanh nhẹn và tự tin, nhiều gia đình khá giả đã đánh tiếng với bà ngoại xin đón mẹ tôi về làm dâu. Mẹ tôi đã giác ngộ, muốn được giải phóng khỏi những ràng buộc phong kiến vốn rất nặng nề trong khuôn khổ xã hội làng xã, vốn lạc hậu so với nhận thức của bà nên đã đề nghị tổ chức cho thoát ly. Được chấp thuận, đầu năm 1940, mẹ tôi bí mật thoát ly gia đình, sang hoạt động tại Hà Nam, Ninh Bình và trở thành *cán bộ cách mạng chuyên nghiệp* (cách gọi này có từ thời kỳ bí mật).

Năm 1940, cha tôi tham gia Xứ ủy Bắc Kỳ, cuối 1941 được Xứ ủy phân công phụ trách Liên C (Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình). Và cha, mẹ tôi đã gặp nhau.

Cha tôi tên thật là Phạm Văn Phú, sinh năm 1907, hơn mẹ tôi 13 tuổi. Năm 1927, theo lời khuyên của đồng chí Tổng Văn Trân, ông ký hợp đồng vào Nam Bộ tham gia “Vô sản hóa”, làm công nhân cho đồn điền cao su Phú Riêng. Ông tích cực tham gia lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân cao su. Trong những ngày tháng sôi động đó, ông gặp một nữ công nhân tích cực, tên là Tỷ, quê ở Kiến An. Hai người yêu nhau. Sau cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân cao su Phú Riêng, đầu năm 1930, cha tôi bị bắt, bị kết án và đày ra Côn Đảo. Khi bị giam

ở Khám lớn Sài Gòn chờ ra tòa, cha tôi có nhận được tin nhắn vào: bà Tý đã sinh con trai, đặt tên là Việt. Suốt những năm tháng tù đầy tại Côn Đảo, ông không có tin tức gì về mẹ con bà Tý.

Năm 1936, cha tôi được trả tự do nhưng bị trục xuất ngay về quê chịu quản thúc, không được trở về Nam Bộ tìm vợ con. Sau ngày cách mạng thành công, cha tôi nhờ nhiều bạn bè trong Nam Bộ tìm kiếm tung tích mẹ con bà Tý nhưng không có kết quả. Về quê sau những năm bị đày ra Côn Đảo, đối với hào lý tại địa phương, cha tôi là một phần tử nguy hiểm, cần quản thúc chặt chẽ; với cộng đồng công giáo trong làng, cha tôi là người bị Nhà thờ rút phép thông công, cuộc sống của ông rất khó khăn. Ông đã xây dựng gia đình với một người phụ nữ cùng quê. Các giao thông Xứ ủy như Trương Thị Mỹ, Nguyễn Thị Hằng, Lê Đông khi về Bình Lục bắt liên lạc với cha tôi đều được bà giúp đỡ chu đáo. Họ cho biết bà là người hiền lành, tốt bụng. Do sức khỏe yếu, bà mất vào năm 1939. Cuối năm 1939, cha tôi cũng bí mật thoát ly.

Vậy là, trước khi cha, mẹ tôi gặp nhau, cha tôi đã hai lần “lỡ bước sang ngang”, có cuộc sống hào hùng nhưng lận đận.

Mẹ tôi tâm sự với chúng tôi rằng, đối với một nữ đảng viên trẻ mới thoát ly như mẹ tôi thì cha tôi vừa là thượng cấp, vừa là người anh lớn làm bà khâm phục. Bà coi ông như thần tượng vì ông có một quá trình đấu tranh cách mạng rất oanh liệt. Cha tôi là người cởi mở, vui tính, được

đồng chí, bạn bè, quần chúng yêu quý. Trong công tác, cha tôi rất nghiêm khắc, thẳng thắn song sống rất vị tha. Cha tôi truyền lại cho mẹ tôi nhiều kinh nghiệm quý báu tích lũy được trong nhiều năm đấu tranh cách mạng. Trong cuộc sống của những chiến sỹ cách mạng thời kỳ bí mật, ngoài việc ngày đêm bám sát phong trào, củng cố cơ sở, phát triển Đảng, thì còn luôn phải đối phó, chống lại mọi mưu toan đàn áp, truy bắt của kẻ thù để tự bảo vệ mình. Họ cũng có những khoảng thời gian sống như những con người bình thường, có tình bạn, tình yêu.

Cha, mẹ tôi ban đầu là những đồng chí, không vướng bận gia đình, có cảm tình với nhau. Là nữ đảng viên trẻ, mẹ tôi rất mến cha tôi nhưng trong lòng còn băn khoăn vì thấy cha tôi lớn tuổi hơn nhiều, lại là dân công giáo (muốn nói đến sự khác biệt giữa lương, giáo) và đã từng có gia đình... Nhưng rồi cuối cùng những suy nghĩ đó không cản trở hai ông bà đến với nhau sau một sự kiện quan trọng. Vào một ngày cuối năm 1942, cha tôi nói với mẹ tôi một câu thật mộc mạc: “Chị Tân, tôi với chị kết hợp nhé!”. Sự *kết hợp* kỳ diệu đó dẫn đến việc hình thành một gia đình, dẫn đến sự ra đời của tám chị em tôi. Những người bạn thân thiết chứng kiến, vun vào cho mỗi nhân duyên đó là ông Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt), bà Hà Thị Quế, ông Vũ Thơ, anh em nhà ông Phan Long, Phan Văn...

Trong những năm tháng đó, mật thám Pháp và bọn tay sai treo thưởng rất lớn cho việc tố giác, bắt được ông

Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Phú. Trong danh sách truy nã có cả mẹ tôi. Do vậy cha mẹ tôi hết sức cảnh giác. Tình yêu của cha mẹ tôi chỉ được bảo đảm bằng sự thông cảm, luôn hướng về nhau. Họ luôn lo lắng cho sự an toàn của nhau.

Công tác cách mạng rất bận rộn, nay đây mai đó, cha và mẹ ít khi có được những giây phút quý báu bên nhau của những người đang yêu.

Ngày 24 tháng 12 năm 1943, trên đường từ Nam Định sang Thái Bình, cha tôi bị mật thám Pháp bắt. Ngay sau khi ông bị bắt, hàng loạt hệ thống cơ sở bí mật phải thay đổi, mẹ tôi phải chuyển vùng hoạt động. Bà chỉ được biết tin cha tôi bị đưa về Ninh Bình, Hà Nam rồi bị kết án 20 năm tù. Thời gian lặng lẽ trôi đi, mẹ tôi nén đau thương lao vào công tác. Bạn bè cùng hoạt động đồng viên bà rất nhiều. Đầu năm 1944, ông bị chuyển về nhà tù Hỏa Lò. Sau cuộc vượt ngục cùng hơn 100 tù chính trị, ông bắt liên lạc với Xứ ủy và được giao nhiệm vụ phụ trách củng cố, phát triển Chiến khu Hòa - Ninh - Thanh, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Vậy là cha mẹ tôi gặp lại nhau sau hơn một năm xa cách. Khi gặp nhau mẹ tôi khóc rất nhiều; bà khóc vì mừng, vì tủi, vì hạnh phúc được gặp lại người yêu từ cõi chết trở về. Khi lớn chúng tôi được cha mẹ kể lại sự kiện này và coi sự xa cách trong điều kiện vô cùng khó khăn là thử thách cao nhất cho tình yêu, hạnh phúc sau này. Với sự chứng kiến của một số bạn bè đồng chí gần gũi, cha mẹ tôi tuyên bố thành vợ chồng. Sự kiện

quan trọng này được tổ chức đơn giản tại một gia đình cơ sở ở Ninh Bình, vào cuối tháng 3 năm 1945.

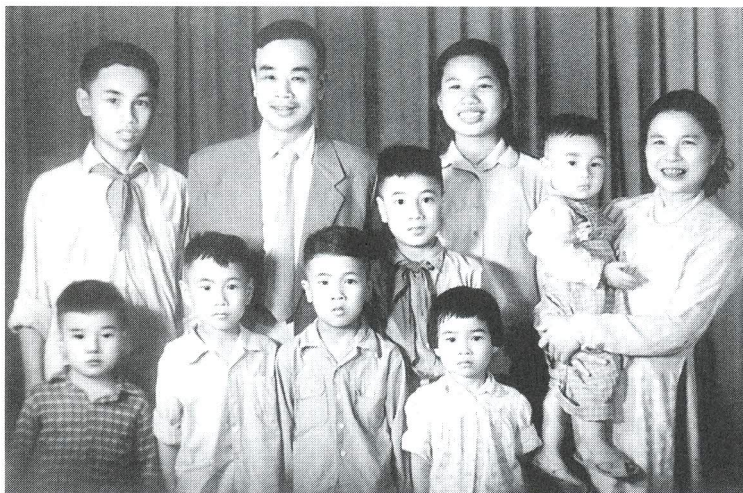
Ngay sau ngày cưới, cha mẹ tôi ở bên nhau được ba ngày trọn vẹn. Do yêu cầu của phong trào cách mạng, họ lại tạm chia tay, mỗi người một việc chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa. Tháng 5 năm đó, cha tôi về Thường vụ Xứ ủy, mẹ tôi được điều động sang bổ sung cho Hưng Yên.

Tại Hưng Yên, cha tôi đưa mẹ về chào cha mẹ đẻ tại thôn Phúc Tá, huyện Ân Thi. Mẹ tôi về nhà chồng lần đầu tiên trong một hoàn cảnh vô cùng đặc biệt: đúng vào những ngày giáp hạt năm Ất Dậu. Nạn đói đe dọa từng gia đình. Ông bà tôi rất nghèo, ăn không đủ no, mặc thì rách rưới, ở trong một túp lều. Tuy nhiên hai cụ rất vui vì được gặp mặt con dâu. Cuộc gặp gỡ đầu tiên đó để lại cho ông bà tôi, mẹ tôi những ấn tượng tốt đẹp về nhau. Mẹ tôi nhớ mãi lần về nhà chồng dạo đó. Khi nằm bên nhau, mẹ tôi báo tin mừng bà đã có mang. Cả hai mừng rỡ, cùng vững tin trong tương lai không xa đứa con đầu lòng sẽ không còn phải sống kiếp nô lệ. Trong đêm đó, cha tôi dặn mẹ tôi cần chuẩn bị gấp việc cướp kho thóc của Nhật chia cho dân, cứu đói. Mẹ tôi coi lời dặn của cha tôi như chỉ thị của Xứ ủy. Bà đã cùng các đồng chí của mình lãnh đạo nhân dân cướp kho thóc ở Kim Động, chia cho nhân dân. Khí thế cách mạng tại Hưng Yên lên rất cao, nhân dân tin tưởng tuyệt đối vào Việt Minh. Tháng 8 năm 1945, cha tôi tham gia lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tại Hà Nội, còn mẹ tôi tham gia lãnh đạo cướp

chính quyền tại Kim Động, Hưng Yên – Đó cũng là “nét son đặc thù” rất đáng nhớ và đáng tự hào trong gia phả của gia đình tôi.

Tháng 11 năm 1945, mẹ tôi sinh con gái đầu lòng đặt tên là Yên Hồng (Cờ hồng bay trên đất Hưng Yên). Mẹ tôi cũng đổi tên mới là Nguyễn Thị Hưng để kỷ niệm những ngày hoạt động sôi nổi ở Hưng Yên. Sau cách mạng, mẹ tôi về Tỉnh ủy, làm Chủ tịch phụ nữ. Cha tôi được giao nhiệm vụ phụ trách Trường Võ bị lục quân Trần Quốc Tuấn. Cha mẹ có điều kiện ở gần nhau hơn. Mẹ tôi đã về quê chồng, cha tôi cũng đã về thăm quê vợ. Do yêu cầu công tác nên mẹ tôi phải gửi chị Yên Hồng cho một gia đình cơ sở là ông bà Lê Đình Tám tại thị trấn Bần, Hưng Yên.

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ vào đêm 19 tháng 12 năm 1946, mẹ tôi ở cạnh cha tôi tại nhà trường đóng ở thị xã Sơn Tây. Trường phải sơ tán, mẹ tôi sinh tôi vào tối 24 tháng 12 tại huyện Quảng Oai. Với niềm tin vào chiến thắng, cha mẹ tôi đặt tên tôi là Trần Kháng Chiến. Năm 1947, khi tôi được gần 1 tuổi thì mẹ tôi bị viêm màng não nặng. Cha tôi lúc đó bận công tác tại các đơn vị chiến đấu nên tôi được gửi cho một người bạn nuôi giúp. Ông Lê Đức Thọ, vốn là bạn tù của cha tôi tại Côn Đảo, lúc đó công tác tại cơ quan Trung ương, đã tìm cách nhả cha tôi về nhà gấp. Khi cha về đến nơi thấy mẹ tôi đang trong trạng thái hôn mê. Ông ôm mẹ tôi vào lòng rồi bật khóc. Bạn bè đã dành cho cha mẹ tôi sự



*Cả gia đình sum họp năm 1961.
(Ảnh chụp tại hiệu ảnh Quốc tế Bờ Hồ).*

giúp đỡ vô cùng quý báu. Bác Cả Nguyễn Lương Bằng, phụ trách kinh tế của Đảng, đã dành một ít trong số thuốc rất quý hiếm do nhân dân Hà Nội gửi ra Chiến khu Việt Bắc biểu Trưng ương cho mẹ tôi. Nhờ thế mẹ tôi dần tỉnh lại. Thật là may khi có cha tôi về chăm sóc, mẹ tôi qua khỏi cơn hiểm nghèo.

Những ngày đầu kháng chiến rất gian khổ, thiếu thốn. Sau trận ốm thập tử nhất sinh mẹ cũng chẳng có gì bồi dưỡng ngoài bí đỏ. Vì vậy nước da mẹ tôi chuyển sang màu vàng. Sau này cứ nhìn thấy bí đỏ là mẹ tôi lại nôn nao. Bạn bè của cha mẹ có gì giúp nấy, rất ân tình... Mẹ tôi kể lại, cha tôi lúc đó là Phó bí thư Quân ủy, thường có

dịp được làm việc với Bác Hồ. Khi biết mẹ tôi ốm nặng, Bác đã gửi cho mẹ tôi cặp nhung hươu do đồng bào dân tộc biếu. Được gia đình chăm sóc cùng sự động viên, hỗ trợ quý báu của bạn bè, đồng chí, vốn lại là một nông dân khỏe mạnh nên mẹ tôi mau chóng hồi phục, trở lại với cuộc sống bình thường, vừa công tác vừa chăm lo chồng con.

Sau đó, mẹ tôi về Thái Nguyên làm Bí thư Phụ nữ Liên khu X. Cuộc sống ổn định, cha mẹ tôi đón ông bà nội cùng gia đình cô tôi lên Việt Bắc. Ông bà, cô chú tôi vốn là những nông dân cần cù, yêu quý đất đai, đã cùng nhau bỏ công sức khai phá đất hoang, tăng gia sản xuất nên cuộc sống cũng tạm ổn. Đây là thời gian gia đình tôi “tam đại đồng đường”, sống hòa thuận với bà con dân tộc. Mẹ tôi có điều kiện hiểu biết sâu hơn về cuộc sống tinh thần, tập tục của người công giáo. Cha mẹ tôi tôn trọng tín ngưỡng của ông bà, cô chú. Khi ấy tôi nhỏ nhất, được mọi người đùm bọc thương yêu.

Năm 1950, quân dân ta chuẩn bị mở chiến dịch giải phóng biên giới. Cha tôi cùng ông Lê Thiết Hùng được Trung ương giao nhiệm vụ phụ trách Trường Lục quân Việt Nam đóng tại tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Khi hành quân sang Vân Nam, cha mang tôi theo, lúc mới năm tuổi. Đến Vân Nam, cha tôi bận công tác nên tôi được gửi vào nhà trẻ nội trú (Thác Nhi Sở) dành cho con cái cán bộ Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, tại thành phố Côn Minh. Tôi mau chóng hòa nhập với cuộc sống mới

với lũ trẻ con Trung Quốc, mau chóng nói sõi tiếng Trung Quốc. Tôi sống xa gia đình, ở tập thể khi còn quá bé nên rất hiếu động, nghịch ngợm, không để ai bắt nạt. Có lần đánh nhau làm các cô giáo phải phiền lòng. Lâu lâu khi lên Côn Minh công tác, cha tôi vào thăm và đón về ở với cha ít ngày. Đó là những giờ phút sung sướng nhất của tôi. Tôi được cha kể cho nhiều truyện thần thoại Việt Nam như: “Thánh Gióng”, “Âu Cơ - Lạc Long Quân”, “Sơn Tinh - Thủy Tinh”, “Nỏ thần”, “Dưa hấu An Tiêm “... Tôi nhớ như in những câu chuyện do cha kể. Sau này tôi lại kể cho các con, cháu trong nhà.

Dù lúc đó mới có mình tôi, lâu lâu cha con mới gặp nhau, nhưng ông rất nghiêm khắc trong việc dạy dỗ tôi. Có một lần, khi được đón về chơi, tôi thấy trong phòng có một lọ đường. Cha tôi thì đi vắng. Tôi đã ăn vụng đường nhưng do thiếu kinh nghiệm “xóa dấu vết” nên cha tôi phát hiện ra ngay. Tôi rất sợ, đã nói dối loanh quanh. Cha tôi bắt nằm sấp rồi đánh cho một roi lằn đít. Tối đó, ông ôm tôi vào lòng, nhẹ nhàng xoa vào mông còn lằn vết roi và dạy tôi rằng: nếu có lỗi phải dũng cảm nhận lỗi, không được nói dối. Đó là bài học đầu tiên trong thời nhi đồng của tôi.

Năm 1951, để hợp lý hóa gia đình, cấp trên điều động mẹ tôi vào quân đội, về Phòng Chính trị Trường Lục quân Việt Nam. Cũng năm đó, mẹ tôi sinh em Trần Thắng Lợi. Do sức khỏe mẹ tôi khá lên, sinh hoạt dễ chịu hơn nên em Lợi rất khỏe và kháu, có nước da trắng hồng,

ăn no ngủ kỹ, rất ngoan. Cha tôi mừng lắm, gọi em Lợi là “đứa con chính cống”. Tôi có lúc tủi thân vì thấy mình không còn được cưng chiều như xưa. Mẹ tôi không bằng lòng vì sự thiên vị này, thỉnh thoảng bà lôi cả chuyện cũ trách ông đã quá nặng tay đối với tôi vì tội ăn vụng đường. Cha tôi cười, ôm hai anh em vào lòng, nói: “Có nghiêm thế, sau này con nó mới thành người”. Khi Lợi lắm chảnh biết đi, mỗi khi được đón về nhà, tôi loanh quanh chơi với em cả ngày.

Khi em Lợi gần hai tuổi, vào ngày 19 tháng 12 năm 1952 tại Quân y viện của Quân giải phóng Trung Quốc ở Côn Minh, mẹ tôi sinh em thứ tư. Cha mẹ đặt tên em là Trần Kiến Quốc. Lúc đó tôi mới tròn 7 tuổi. Trong kí ức của tôi còn giữ lại hình ảnh em Quốc tròn quay, rất ngoan, ăn ngủ khỏe. Năm ấy, cô Nguyễn Thị Tâm, 45 tuổi, một Việt kiều được Tổng lãnh sự Việt Nam tại Côn Minh giới thiệu đến giúp gia đình, chăm sóc các em. Cô gắn bó với gia đình tôi như người nhà. Cô đặc biệt quý em Quốc, em cũng suốt ngày tha thẩn bên cô. Cô Tâm là người Thái Bình, hồi trẻ lưu lạc lên Yên Bái kiếm sống; từ đây cô lên Lào Cai, sau đó theo đường sắt sang Vân Nam. Tuyến đường sắt Hà Nội - Côn Minh thuộc Công ty hỏa xa Đông Dương của Pháp. Trên tuyến đường này có nhiều công nhân Việt Nam làm việc. Họ quần tụ lại, gắn bó với nhau thành một cộng đồng. Cô Tâm được tổ chức giới thiệu đến nhà tôi vì trong nhiều năm cô tham gia tích cực vào các hoạt động ủng hộ kháng chiến của cộng

đồng người Việt. Do cô không có gia đình nên yên tâm gắn bó với gia đình tôi hơn 50 năm. Cô mất vào năm 2003. Anh em chúng tôi đưa cô về an táng tại quê nhà Quỳnh Côi, Thái Bình.

Còn một người nữa gắn bó với gia đình là chú Phạm Hữu Phú. Khi bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, chú được cấp trên phân công bảo vệ, cần vụ cho cha tôi. Trước cách mạng, chú đăng lính khố đỏ, đóng tại Thái Nguyên. Chú nhanh nhẹn, khỏe mạnh, nên được đào tạo thành đầu bếp. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, chú cùng nhiều anh em vác súng theo Việt Minh, trở thành chiến sỹ giải phóng quân. Sau Cách mạng tháng Tám, chú tham gia bộ đội chi viện cho chiến trường miền Nam. Trong kháng chiến chống Pháp, chú theo cha tôi như hình với bóng. Trong công việc họ là đồng chí, trong đời thường họ là anh em. Ông bà nội tôi nhận chú làm con nuôi. Hồi chúng tôi còn bé, mỗi khi cần đến cái uy của đàn ông trong nhà để dạy bảo bọn trẻ, cô Tâm thường phải nhờ đến tên chú. Chúng tôi ai cũng sợ uy của chú nên không dám nghịch ngợm quá trớn. Năm 1956, chú phục viên về Tuyên Quang làm ăn. Năm 1959, khi cha tôi sang Trung Quốc làm Đại sứ, ông lại gọi chú về Hà Nội rồi cùng sang Trung Quốc. Cha tôi thường nói vui: “Chú phải theo tôi đến khi nào tôi chết!”. Vậy mà đúng thật, chú đã phục vụ cha tôi cho đến khi ông qua đời. Cả nhà tôi biết ơn chú vì chú đã chăm sóc chu đáo cuộc sống của cha tôi, để ông yên tâm làm việc trong

những năm tháng xa mẹ tôi, xa gia đình. Chú quý cha mẹ tôi như anh chị ruột và thương chúng tôi như con cháu. Chú Phú mất năm 1996, an táng tại thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh, thọ 77 tuổi. Hai em Hữu Nghị, Việt Trung thay mặt gia đình đưa chú về nơi an nghỉ cuối cùng.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Trường Lục quân Việt Nam chuyển từ Vân Nam sang đóng tại thành phố Quế Lâm, thuộc tỉnh Quảng Tây. Cha mẹ tôi xin ông bà Tám cho đón chị Hồng về đoàn tụ với chúng tôi. Tôi và chị Hồng được gửi vào học tại Trường Thiếu nhi Việt Nam. Tháng 7 năm 1954, mẹ tôi sinh em thứ năm tại Nam Ninh, cha mẹ tôi đặt tên cho em là Trần Thành Công. Tháng 10 năm 1955, em trai thứ sáu ra đời, được đặt tên là Trần Hữu Nghị. Niềm vui của cha mẹ tôi được nhân lên gấp bội khi vào tháng 10 năm 1956, em thứ bảy sinh tại Quế Lâm là con gái, tên em là Trần Hạnh Phúc.

Tối 22 tháng 8 năm 1959, mẹ tôi đang ngủ thì chuyển dạ. Khi đó gia đình tôi ở tại khu tập thể quân đội 38 Trần Phú (Hà Nội). Thấy vậy tôi vội nhảy rào sang Viện quân y 354, gõ cửa nhà bác sỹ Hiến, Phó giám đốc. Chú Hiến cho xe cấp cứu đưa mẹ tôi đến Quân y viện 108. Tại Khoa Sản, bác sỹ Cẩn (Trưởng khoa) đã đỡ cho mẹ tôi. Sáng sớm 23 tháng 8, em trai thứ tám của chúng tôi đã chào đời. Để ghi nhớ quan hệ hữu nghị Việt - Trung, ghi nhớ thời gian cha tôi làm Đại sứ tại Trung Quốc, cha mẹ đặt tên em là Trần Việt Trung.

Chúng tôi lớn lên bên cạnh mẹ. Cha công tác xa nhà



Tuy đi công tác xa nhưng khi có thời gian là ông bà Bình lại về thăm Hưng Yên.

quanh năm, mỗi khi ông có việc về nước là tám chị em chúng tôi lại quây quần bên cha mẹ. Rất vui. Mỗi lần về nhà, cha tôi lại dành thời giờ hỏi han việc học tập của từng đứa, nhất là tôi và chị Hồng. Cha tôi cũng vài lần dự các buổi họp phụ huynh cho tôi. Ông ân cần trò chuyện với các thầy, các cô về việc dạy dỗ học sinh, trao đổi những điều tai nghe mắt thấy trong việc dạy và học tại Trung Quốc. Cha tôi còn gửi tặng Trường Lý Thường Kiệt, nơi chúng tôi đang học, những dụng cụ dạy và học mang từ Trung Quốc về. Khi các em tôi cấp sách đến trường cũng là lúc chúng tôi phải kèm các em học tại nhà. Các

em tôi đều học khá, ngoan, được thầy cô tin nhiệm, các bạn yêu mến. Em Kiến Quốc ngay từ nhỏ đã có nhiều bạn, sống rất ân tình, chăm chỉ học tập, trong nhiều năm là tấm gương toàn diện cho các bạn cùng lứa. Chị tôi và tôi dù còn là học sinh nhưng thường xuyên gặp các thầy, cô để tìm hiểu về các ưu khuyết điểm của các em, kịp thời nhắc nhở uốn nắn. Mẹ tôi có lúc bận công tác nên chúng tôi đã thay mặt mẹ đi họp phụ huynh cho các em.

Thời gian trôi qua, anh chị em chúng tôi đã trưởng thành. Những năm chống Mỹ, theo nghiệp cha, bốn anh em tôi (Kháng Chiến, Thắng Lợi, Kiến Quốc, Thành Công) đã nhập ngũ. Rồi cả tám anh chị em đều phấn đấu học xong đại học, trở thành những người có ích cho xã hội. Sinh thời mẹ tôi rất hài lòng, yên tâm về kết quả này.

Tôi là đứa con trai lớn nhất, may mắn thường được cha cho đi theo mỗi lần đến thăm bạn bè thân thiết, gần bó từ thời kì bí mật như các bác Tôn Đức Thắng, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt, Ba Mãng, cô Hà Thị Quế, các chú Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Lê Đức Thọ, Phan Trọng Tuệ, Văn Tiến Dũng, Đinh Đức Thiện, Vũ Thợ, Lê Liêm, Đặng Kim Giang, Nguyễn Mạnh Hồng v.v... Mối quan hệ thân thiết, chân tình giữa cha tôi và các chú các bác làm tôi nhớ mãi.

Trong số đó có một người bạn tù Côn Đảo, một chiến sỹ cách mạng kiên cường của Nam Bộ - bác Ba Mãng. Tập kết ra Bắc, bác Ba về cơ quan Trung ương làm thường trực. Mùa đông cha tôi mang thêm áo bông cho



Thiếu tướng Trần Tử Bình cùng ông Ba Mãng (người thứ 2 từ phải qua) tại cơ quan Tổng Thanh tra Quân đội.

bác. Bác có cô con gái lớn khá xinh, học ở Trường Học sinh miền Nam tại Hải Phòng, được nhiều anh bộ đội Nam Bộ để ý. Bác lo lắng, có lần lấy cả xích sắt trói chị vào chân giường. Khi cha tôi đến thăm, chị đã khóc và mách với ông. Cha tôi lớn tiếng phê bình người bạn tù có hành vi mất dân chủ, phản giáo dục với con gái. Bác Ba ôm mặt khóc thật to. Lúc đó tôi rất lúng túng...

Khi ở khu tập thể 38 Trần Phú, cha mẹ tôi sống chân tình với gia đình các sĩ quan Bộ Tổng Tham mưu như các bác Nguyễn Chánh, Lê Đình Sum, Hoàng Vượng hay các

cô chú Lê Ngọc Hiền, Đỗ Trình, Vũ Hải, Nam Hà, Phan Bình, Nguyễn Đồng, Lê Thanh Hải, Thái Dũng... Những quan hệ này ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống và hình thành dần nhân cách của anh em chúng tôi.

Cha mẹ tôi luôn dành cho các gia đình cơ sở cách mạng đã bảo vệ, nuôi nấng, giúp đỡ mình trong thời kì bí mật sự quan tâm, giúp đỡ chu đáo. Con cái của họ được cha mẹ tối lo lắng trong việc tạo dựng sự nghiệp. Cha mẹ tôi dạy rằng phải biết ơn họ, vì chỉ có sự giúp đỡ của họ thì cha mẹ mới có chúng tôi. Tám anh chị em chúng tôi luôn ghi nhớ lời dạy đó. Thế hệ chúng tôi cho đến nay luôn coi các gia đình cơ sở và con cái của họ như người nhà.

Sự phân công việc nhà trong gia đình tôi khá rõ ràng. Các em còn nhỏ chưa đi học thì sống nội trú tại Trại Nhi đồng miền Bắc, hàng tuần tôi có nhiệm vụ đón các em về nhà chơi vào chiều thứ bảy. Chị Hồng đi chợ, nấu cơm. Cô Tâm giúp mẹ tôi chăm sóc các em. Đến bữa ăn, cô Tâm chia thức ăn thành sáu khẩu phần, lấy bộ ghế sắt quân dụng chiến lợi phẩm làm bàn ăn, còn bọn trẻ con thì ngồi trên những chiếc ghế gỗ, ăn ngon lành. Ai vào nhà tôi chứng kiến cảnh anh em tôi sinh hoạt đều khen gia đình có nền nếp.

Không như các gia đình cán bộ ngoại giao khác, mẹ tôi không sang Trung Quốc cùng cha dù có tiêu chuẩn. Mẹ tôi có công việc riêng của mình, hơn nữa các con còn nhỏ. Mỗi năm, do công việc, cha tôi vẫn có thời gian có mặt ở nhà.



*Con cháu quây quần bên mộ ông bà
ở nghĩa trang Mai Dịch, Hà Nội.*

Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, chị Hồng đang học năm thứ nhất Trường Đại học Ngoại giao - Ngoại thương; tôi vừa học xong phổ thông xin nhập ngũ vào Quân chủng Hải quân. Các em Lợi, Quốc, Công, Nghị vào học Trường Thiếu sinh quân Nguyễn Văn Trỗi. Hai em Phúc, Trung sơ tán tại nhà bác Tư Thủy - cơ sở của Xứ ủy trước cách mạng. Gia đình bác Tư Thủy đã nuôi giấu cha tôi trong thời kỳ bí mật, rất gắn bó thân tình với cha mẹ tôi. Mẹ tôi lãnh đạo cơ quan sơ tán xí nghiệp

về Hưng Yên, nơi bà từng hoạt động năm 1945. Địa phương đã hết lòng ủng hộ cơ quan của bà, nên các xí nghiệp mau chóng ổn định đi vào sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Mẹ tôi mấy năm liền được bầu là chiến sĩ thi đua của ngành Ngoại thương.

Khi tôi lên đường nhập ngũ, mẹ tôi định dúi cho 10 đồng nhưng cha tôi không cho. Ông nói: “Con nó đã có phụ cấp do quân đội cấp hàng tháng (binh nhì - năm đồng). Dù là con tướng, nó cần sống như các anh em, đồng chí khác. Có như thế mới mau trưởng thành”. Những năm tháng phục vụ trong quân đội, tôi luôn cố gắng sống, làm việc như cha tôi mong muốn.

Có một lần cha tôi về nước công tác đột xuất, mẹ tôi lại được Trung ương cho sang nghỉ ở Cộng hòa Dân chủ Đức. Hai người không gặp được nhau. Cha tôi đã viết cho mẹ tôi một bức thư, tôi đọc đi đọc lại nhiều lần và ghi nhớ mãi. Thư viết: “Anh sắp về thì em lại sang Cộng hòa dân chủ Đức, đôi ta cứ như vợ chồng Ngâu. Anh rất nhớ em cùng các con...”.

Thực tế, do nhiệm vụ cách mạng, cha mẹ tôi nhiều lúc phải xa nhau nhưng họ rất yêu thương nhau, thông cảm với nhau, chia sẻ cùng nhau. Tình yêu đó chính là nền tảng của hạnh phúc gia đình, nền tảng để anh chị em tôi gắn bó với nhau. Tình yêu đó là tài sản thiêng liêng của chúng tôi và con cháu chúng tôi.

Tp. Hồ Chí Minh, 25-4-2006

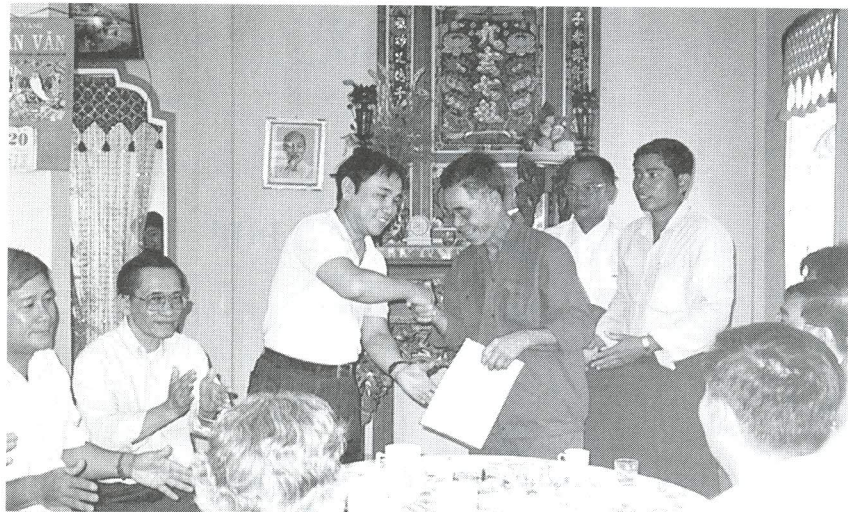
XÂY NHÀ CHO ĐỒNG ĐỘI¹

Trần Vinh Quang

Trong hai cuộc kháng chiến, riêng huyện Châu Thành (tỉnh Long An) có hơn 3.000 liệt sĩ với 82 bà mẹ Việt Nam Anh hùng, nhưng chúng ta mới xây dựng được trên 600 ngôi nhà tình nghĩa. Nhìn con số trên đã thấy những cố gắng của chúng ta là chưa đủ. Thông qua Hội đồng hương của các cán bộ quân ở Long An đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, mà cựu chiến binh Trần Thành Công² được biết một cựu chiến binh ở xã Long Trì, huyện Châu Thành có một số phận nghiệt ngã và cuộc sống cơ cực cần được giúp đỡ. Trong dịp kỷ niệm 28 năm Ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, anh đã quyết định dùng số tiền tiết kiệm 18 triệu đồng, thay mặt cha mẹ, đóng góp xây dựng ngôi nhà tình nghĩa cho đồng đội.

¹ Bài đăng trên Báo Quân đội cuối tuần số 395, ngày 27-7-2003.

² Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Dệt-may-thêu TTC.



Anh Kháng Chiến trao cho ông Năm Oanh quyết định bàn giao nhà tình nghĩa.

Chủ nhật cuối tháng 4 năm 2003, bốn anh em - Kháng Chiến, Kiến Quốc, Thành Công, Hữu Nghị và các bạn Phan Nam, Mạnh Hùng cùng về Long An. Người được giúp đỡ là ông Nguyễn Hoàng Oanh ở ấp Long Hưng. Sinh năm 1929, trong kháng chiến chống Pháp Năm Oanh vào bộ đội, đến 1954 thì tập kết ra Bắc. Ở ngoài Bắc, ông tiếp tục phục vụ trong trung đoàn 263 phòng không, thuộc sư đoàn 361. Những năm tháng chiến tranh phá hoại, ông đã từng chiến đấu bảo vệ cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa) rồi vinh dự tham gia vào Chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972, sau đó cùng sư đoàn phòng không 367 tiếp tục hành quân vào Nam...

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, khoác ba-lô trở về xã trong sự ngỡ ngác vì cả xã đã thành bình địa, cha mẹ đều đã chết. Ra quân với quân hàm trung úy, ông được bà con chòm xóm đùm bọc rồi xây dựng gia đình và có được hai người con. Nhưng số phận nghiệt ngã không buông tha ông, do chất độc màu da cam mà đứa con thứ hai bị tật nguyền rồi đau đớn theo mẹ ra đi. Còn lại hai cha con, sống cảnh màn trời chiếu đất. Ở địa phương, Năm Oanh là niềm kiêu hãnh của bà con vì là người đã từng tham gia đánh B52, nhưng cuộc sống của anh thì khổ đến mức quanh năm không biết đến vị ngọt của đường. Có một lần, hai cha con lên xã, ra cửa hàng bách hóa mua được kí đường nhưng khi về đến nhà thì gói đường cũng chỉ còn lại những hạt cuối cùng... Nỗi đau của những cán bộ địa phương còn lớn hơn khi nghe những kẻ đã từng khoác áo lính ngụy mỉa mai: “Số phận người có công với Cộng sản là thế đấy!”. Nhà nước còn nhiều việc phải làm và ngay một lúc chưa thể giải quyết hết mọi khó khăn, nhưng thời gian cứ trôi qua và cuộc sống vẫn là những gì rất cụ thể...

* * *

Ngôi nhà xinh xắn, thơm mùi vôi mới, rộng 50m², có phòng khách và phòng ngủ thật khang trang. Ngay cửa vào có gắn tấm biển: “Gia đình ông bà Trần Tử Bình kính tặng”. Anh Kháng Chiến, con trai trưởng, thay mặt gia đình phát biểu khi trao quyết định giao nhà tình nghĩa cho ông Năm Oanh:

- Chúng tôi thật vinh dự được thay mặt cha mẹ cùng Hội đồng hương Long An, chính quyền địa phương và bà con cô bác xây dựng và bàn giao cho cựu chiến binh Năm Oanh ngôi nhà tình nghĩa. Cha chúng tôi có nhiều gắn bó với mảnh đất Nam Bộ từ năm 1927. Sinh thời, ông có nguyện vọng đến ngày thống nhất sẽ về Nam sinh sống. Tiếc rằng ông đã sớm ra đi. Thực hiện ý nguyện của ông, anh em chúng tôi đã tham gia chiến đấu chống Mỹ, cứu nước và nay tiếp tục làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt, tôi và em Trần Thành Công đều là lính tên lửa, cùng quân chủng với đồng chí Năm Oanh, nên việc làm này thực sự có ý nghĩa trong việc giúp đỡ đồng chí đồng đội, đền đáp phần nào sự hy sinh của đồng chí cho quê hương đất nước...

Tiếp sau đó, đại biểu chính quyền, phụ nữ và Hội đồng hương mang những phần quà tình nghĩa và một sổ tiết kiệm 1 triệu đồng tặng ông Năm Oanh. Cảm động hơn, anh Ba Tim đã chuyển năm trăm nghìn, trích từ tháng lương đầu tiên của con trai, gửi tặng gia đình.

Cựu chiến binh Năm Oanh nghẹn ngào nói: “Đã gần bảy mươi lăm tuổi mà cuộc sống quá khó khăn, chỉ nhờ có cách mạng, nhờ có tình đồng đội, đồng hương mà hoàn cảnh gia đình tôi đã có sự thay đổi. Không biết nói gì hơn, tôi xin cảm ơn tất cả !”

PHẦN III

Tư liệu

VĂN-PHONG CHỦ-TỊCH

Số 112/SL

CHỦ - TỊCH CHÍNH - PHỦ
DÂN - CHỦ CỘNG HÒA VIỆT - NAM

Chiều Sắc-lệnh số 25 ngày 22.5.46 và số 71 ngày 22.5.46 tổ chức và an định Quy Tắc Quân-đội Quốc gia, Chiều đề nghị của Ông Bộ-Trưởng Bộ Quốc phòng và Ông Tổng Chỉ-Huy Quân-đội Quốc gia, Sau khi Hội-dồng Chính-phủ thỏa hiệp,

NA SẮC LỆNH:

Điều thứ 1. - Các Quân-nhân kể tên dưới đây, đổi hàm thụ cấp THIỆU-LƯƠNG, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1948:

- | | |
|-------------------|--------------------------------|
| C.O. Trần-Tử-Bình | Trưởng Phòng Kiểm tra Cán-bộ |
| Văn-Tiến-Dũng | Cục Trưởng Cục Chính trị |
| Lê-Hiến-Mai | Chính trị uỷ viên Chiếm-Khu 2. |

Điều thứ 2. - Ông Bộ-Trưởng Bộ Quốc phòng và Ông Tổng Chỉ-huy Quân-đội Quốc gia, chiểu Sắc-lệnh thi hành.

Đạo bọ, ngày 20 tháng 1 năm 1948.
CHỦ-TỊCH CHÍNH-PHỦ

ZHO THU:

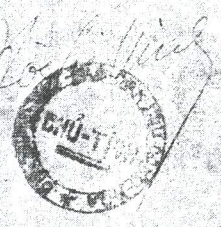
TRƯỞNG
BỘ QUỐC- PHÒNG

TỔNG CHỈ-HUY
QUÂN-ĐỘI QUỐC-GIA

T. B. M. *h. n. g.*

VĂN PHỦ

V. Nguyễn Giác



Quyết định 112/SL ngày 20-1-1948 phong hàm Thiếu tướng cho các đồng chí Trần Tử Bình, Văn Tiến Dũng và Lê Hiến Mai.

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

107

Văn Phòng

số 107/SL

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ
VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Chiếu sắc lệnh số 63 ngày 22-11-46 tổ chức Chính quyền nhân dân ;

Chiếu sắc lệnh số 47-SL ngày 1-5-1947 tổ chức Bộ Tổng Chỉ Huy Quân Đội Quốc Gia Việt Nam

Chiếu đề nghị của Ông Tổng Chỉ Huy Quân Đội Quốc Gia Việt Nam , để cung Ông Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng ý kiến:

RA SẮC LỆNH

ĐIỀU THỨ 1- Nay cử Thiếu Tướng LÊ THIẾT HÙNG làm Tổng Thanh Tra Quân Đội Toàn quốc .

ĐIỀU THỨ 2- Cử Ông TRẦN TỬ BÌNH làm Phó Tổng Thanh Tra Quân Đội Toàn quốc .

ĐIỀU THỨ 3- Các Ông Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng và Tổng Chỉ Huy Quân Đội Quốc Gia Việt Nam chiếu sắc lệnh thi hành.

Ngày 20 tháng 1 năm 1948

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ

Imb Thủ:

Bộ Trưởng
Quốc Phòng
VĂN PHÒNG

Tổng Chỉ Huy
Quân Đội Quốc Gia Việt Nam
VĂN PHÒNG GIỮ



THỊ MÌNH

Quyết định 107/SL ngày 20-1-1948
cử Thiếu tướng Lê Thiết Hùng làm Tổng Thanh tra và
Thiếu tướng Trần Tử Bình làm Phó tổng Thanh tra quân đội.

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA - HẠNG THỨ NHẤT
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Văn - Phòng

SS 119/SL

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ
VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Chiều sắc lệnh số 47-SL ngày 1-5-47 bổ chức Bộ
Tăng Chỉ Huy Quân Đại Quốc Gia Việt Nam;
Chiều đề nghị của Ông Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng và
Ông Tổng Chỉ Huy Quân Đại Quốc Gia Việt Nam;

RA SẮC LỆNH :

ĐIỀU THỨ 1 - Bổn Kiểm Tra thuộc Bộ Tổng Chỉ Huy
Quân Đại Quốc Gia Việt Nam nay đổi thành Cục Tổng Thanh
Tra Quân Đại Quốc Gia Việt Nam.

ĐIỀU THỨ 2 - Ông Tổng Chỉ Huy Quân Đại Quốc Gia
Việt Nam chiếu sắc lệnh thi hành.

Ngày 2 tháng 1 năm 1948

CHỦ TỊCH CHÍNH PHỦ
HỒ CHÍ MINH

Pho thu

Bộ Trưởng
Bộ Quốc Phòng
TÀ QUẢN BƯ

Tổng Chỉ Huy
Quân Đại Quốc Gia Việt Nam
VĂN PHÒNG

Tue Nam



Ho Chi Minh
Official seal of the President of the Government.

Quyết định 119/SL ngày 25-1-1948
thành lập Cục Tổng Thanh tra quân đội.

SẮC LỆNH

của Chủ tịch Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
Số 134/SL ngày 20 tháng 8 năm 1950¹

Chủ tịch Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Chiếu sắc lệnh số 50-SL ngày 18 tháng 6 năm 1946 tổ chức Bộ Quốc phòng Tổng Tư lệnh;

Chiếu theo sắc lệnh số 33-SL ngày 22 tháng 3 năm 1946 và 71-SL ngày 22 tháng 5 năm 1946 tổ chức và ấn định quy tắc Quân đội Quốc gia Việt Nam;

Chiếu sắc lệnh số 121-SL ngày 11 tháng 7 năm 1950 thay đổi tổ chức trong Bộ Quốc phòng Tổng Tư lệnh;

Xét nhu cầu công tác hiện thời;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh Quân đội Quốc gia Việt Nam, và sau khi Hội đồng Chính phủ thông qua;

Ra sắc lệnh:

Điều 1: *Nay ủy Thiếu tướng Trần Tử Bình, nguyên Phó tổng Thanh tra quân đội Quốc gia Việt Nam, làm Chính ủy viên Quân hiệu Lục quân Trần Quốc Tuấn.*

Điều 2: *Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh quân đội Quốc gia Việt Nam chiếu sắc lệnh thi hành.*

¹ Trích cơ sở dữ liệu Luật Việt Nam LAWDATA (Văn phòng Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

CHỦ TỊCH PHỦ

VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÓA
Độc-Lập - Tự-Do - Hạnh-Phúc

Số 263 - SL

Ngày 25 tháng 4 năm 1956

CHỦ TỊCH QUỐC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Chiếu sắc lệnh số 261-SL ngày 28-3-1956 thành lập Ban
Thanh tra Trung ương của Chính phủ;
Theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ;
Theo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ,

RA SẮC LỆNH :

Điều 1.- Này bổ nhiệm các vị sau đây vào Ban Thanh tra
Trung ương của Chính phủ :

Tổng Thanh tra : Ông. Nguyễn-lương-Bằng.

Tổng Thanh tra Phó : Ông. Nguyễn-Côn,

Trần-tử-Bình.

Điều 2.- Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành
sắc lệnh này./.

CHỦ TỊCH QUỐC VIỆT NAM
DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Tiếp ký :
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ



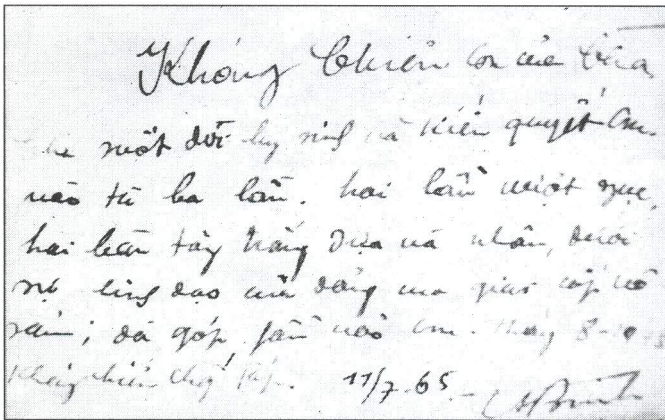
Hồ-chí-Minh.

Phạm-van-Đông.

Quyết định 263/SL ngày 25-4-1956 bổ nhiệm
ông Nguyễn Lương Bằng làm Tổng Thanh tra và hai ông
Nguyễn Côn, Trần Tử Bình làm Phó tổng Thanh tra Chính phủ.



Bằng tốt nghiệp khóa IX Trường Lục quân Việt Nam của ông Lê Trọng Khang có chữ ký của Chính ủy Trần Tử Bình và Hiệu trưởng Lê Trọng Tấn.



Bút tích gửi con trai Trần Khánh Chiến.

TỦ VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG QUÂN ỦY ĐẾN VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ TRUNG ƯƠNG - VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG (1947 - 2005)¹

Năm 1945

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với quân đội trong cả nước được đặt ra ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công.

Tháng 11: Trong khi Đảng rút vào hoạt động bí mật, các đồng chí cán bộ lãnh đạo của Đảng trong quân đội họp bàn cách thành lập hệ thống tổ chức Đảng trong quân đội.

Năm 1946

Trung ương Quân ủy được thành lập để giúp Ban Chấp hành Trung ương Đảng lãnh đạo quân đội. Để giữ bí mật hoạt động, Đảng gọi là Hội Cứu quốc (gọi tắt là Hội) và Trung ương Quân ủy gọi là QQQ.

¹ Trích "Văn phòng Đảng ủy quân sự trung ương, Văn phòng Bộ Quốc phòng. Biên niên sự kiện (1946-2005)" (NXB QĐND, 2006)...

Danh sách các đồng chí Ủy viên Trung ương Quân ủy (được ghi trong biên bản hội nghị Trung ương Quân ủy ngày 1 tháng 7 năm 1948) như sau: “*Hiện tình QQQ có bảy ủy viên: Văn, Bình, Dũng, Liêm, Thái, Tấn, Sơn*”. (Cụ thể là các đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Trần Tử Bình, Văn Tiến Dũng, Lê Liêm, Hoàng Văn Thái, Chu Văn Tấn, Nguyễn Sơn).

Bí thư là đồng chí Võ Nguyên Giáp, dự bị Bí thư¹ là đồng chí Trần Tử Bình.

Cuối năm 1946 và đầu năm 1947, đồng chí Nguyễn Cơ Thạch là một bí thư của đồng chí Võ Nguyên Giáp được giao nhiệm vụ giữ mối liên hệ chặt chẽ với Trung ương Đảng. Trong thời gian các cơ quan sơ tán ra khỏi Hà Nội và di chuyển lên Việt Bắc, đồng chí luôn giữ vững liên lạc với Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Trường Chinh. Đồng chí giúp Trung ương Quân ủy soạn thảo công văn giấy tờ của Đảng và tổ chức hội nghị Trung ương Quân ủy mở rộng lần thứ nhất vào ngày 15 tháng 2 năm 1947 – Hội nghị đặt nền móng cho tổ chức Đảng trong quân đội.

Năm 1947

Đồng chí Vũ Oanh được giao nhiệm vụ Chánh văn phòng Trung ương Quân ủy dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Trần Tử Bình. Cán bộ, nhân viên của Văn

¹ *Phó bí thư.*

phòng Trung ương Quân ủy, về chính quyền, thuộc biên chế và sinh hoạt trong Phòng Cán bộ được thành lập tháng 2, thuộc Cục Chính trị. Tháng 7, Phòng Cán bộ được đưa về trực thuộc Bộ Tổng chỉ huy và đổi tên là Phòng kiểm tra. Về chính quyền, đồng chí Trần Tử Bình là Trưởng phòng Cán bộ, Trưởng phòng kiểm tra.

Biên bản Hội nghị Trung ương Quân ủy ngày 22 tháng 9 năm 1947 trong mục danh sách các đồng chí cử vào các ban giúp việc Trung ương Quân ủy có đoạn viết:

“... 2) Ủy ban Đảng vụ: Bình, Thiết Hùng, Thu, Oanh, Kiên, Chính để dự bị.

Ban Tổ chức và kiểm soát: Bình, Hùng, Thu, Oanh.

Ban Tuyên huấn: Chính, Dũng, Mạnh Việt.

Ban Tài chính: Oanh phụ trách Văn phòng sẽ kiêm...”.

Văn phòng giữ quan hệ chặt chẽ với Trung ương Đảng, với các quân khu ủy và Liên chi Quốc phòng. Đồng chí Vũ Oanh được đưa lên giới thiệu với Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Trường Chinh. Văn phòng giúp Trung ương Quân ủy trong việc ra các văn bản về công tác Đảng trong quân đội, tổ chức các kì họp của Trung ương Quân ủy. Trong việc ghi biên bản hội nghị, ngoài đồng chí Vũ Oanh còn có một số đồng chí trong Ủy ban Đảng vụ và Văn phòng Bộ Tổng chỉ huy.

Văn phòng cũng giúp đồng chí Trần Tử Bình trong công tác cán bộ, tổ chức và kiểm soát, giúp tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ cao cấp và trung cấp, tổ chức ở Đại

Từ (Thái Nguyên). Kết quả công tác kiểm tra bộ đội góp một phần vào việc hình thành chủ trương “Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung” của thời kì 1947.

Khi giặc Pháp tiến công Việt Bắc (Thu Đông 1947), Văn phòng cùng một số cơ quan Bộ Tổng chỉ huy di chuyển sang khu vực Tràng Xá (Võ Nai, Thái Nguyên). Khi Bộ Tổng chỉ huy có quyết định di chuyển trở lại vùng Định Hóa (Thái Nguyên), ngay trong đêm, đồng chí Vũ Oanh đưa thư của đồng chí Võ Nguyên Giáp báo cáo trực tiếp đồng chí Trường Chinh.